

Bản án số: 132/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 12-6-2020
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Liêu Chí Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Văn.

Ông Nguyễn Hoài Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 245/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Hồng A, sinh năm 1979; cư trú tại: Ấp Th, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Mai Tr, sinh năm 1980; cư trú tại: Ấp Th, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Chị Phạm Hồng A trình bày: Chị và anh Nguyễn Mai Tr kết hôn năm 2000, không đăng ký kết hôn, hôn nhân tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng sau này phát sinh mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm và thường xuyên cãi nhau, mặc dù được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc được mà ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Hiện tại chị không còn yêu thương anh Tr nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh Tr có hai con chung tên Nguyễn Tường Vi, sinh ngày 10/6/2001 và Nguyễn Thái Phong, sinh ngày 30/4/2014, hiện cháu Vi đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn cháu Phong đang do anh Tr nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu giao cháu Phong cho anh Tr nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh Tr không có tài sản và nợ chung.

- Anh Nguyễn Mai Tr trình bày: Anh thống nhất các mối quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung mà chị A trình bày và đồng ý với các yêu cầu mà chị A đặt ra, không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị A xin ly hôn, anh Tr đồng ý. Tuy nhiên do anh, chị chung sống với nhau như vợ chồng trong thời gian dài, mặc dù có đủ điều kiện kết hôn nhưng lại không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do vậy Tòa án không xem xét chấp nhận hoặc không chấp nhận cho chị A ly hôn với anh Tr mà tuyên bố không công nhận anh, chị là vợ chồng theo quy định tại Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về con chung: Chị A và anh Tr thỏa thuận giao cháu Phong cho anh Tr tiếp tục nuôi dưỡng, cháu Phong cũng có nguyện vọng được sống với anh Tr. Do đó việc giao cháu Phong cho anh Tr tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, anh Tr không yêu cầu cấp dưỡng nên Tòa án không xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị A và anh Tr xác định không có nên nên tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Án phí hôn nhân gia đình: Chị A phải chịu theo quy định bởi yêu cầu của chị được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Phạm Hồng A và anh Nguyễn Mai Tr là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao Nguyễn Thái Phong, sinh ngày 30/4/2014 cho anh Nguyễn Mai Tr được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Không buộc chị Phạm Hồng A cấp dưỡng nuôi con.

Chị Phạm Hồng A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Hồng A phải chịu là 300.000 đồng. Chị A đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm tại biên lai thu tiền số 0010608 ngày 11/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, chị A đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Tr hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Liêu Chí Khanh